

ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH QUÝ IV/2020

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Văn phòng Sở Khoa học và Công nghệ Tây Ninh công khai tình hình thực hiện dự toán thu - chi ngân sách quý IV như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN - QUÝ IV	SO SÁNH (%)	
				DỰ TOÁN	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
I	TỔNG SỐ THU, CHI, NỢ NS PHÍ, LỆ PHÍ				
1	Số thu phí, lệ phí	57,500	30,050	52,261	45,913
1.1	Lệ phí cấp giấy phép, giấy ĐK và Chứng chỉ	2,000	0,80	40,000	44,444
1.2	Phí	55,500	29,250	52,703	45,954
a	Phí thẩm định an toàn Bức xạ (Nộp 15%)	40,500	25,750	63,580	42,457
b	Phí thẩm định kế hoạch Ứng phó sự cố Bức xạ, hạt nhân (85%)	0,000	0,500	0,000	
c	Phí thẩm định Hợp đồng chuyển giao công nghệ	10,000	0,000	0,000	
d	Phí thẩm định ĐK hoạt động về KHCN (Nộp 10%)	5,000	3,000	60,000	100,000
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	43,925	25,013	56,944	42,881
a	Phí thẩm định an toàn Bức xạ (85%)	34,425	21,888	63,580	43,488
b	Phí thẩm định kế hoạch Ứng phó sự cố Bức xạ, hạt nhân	0,000	0,425	0,000	
c	Phí thẩm định Hợp đồng chuyển giao công nghệ 50%	5,000	0,000	0,000	
d	Phí thẩm định ĐK hoạt động về KHCN (90%)	4,500	2,700	60,000	100,000
2.1	Chi sự nghiệp KHCN				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2.2	Chi quản lý hành chính	-	-		-
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				-
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
3	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	13,575	5,038	37,109	145,888
a	Lệ phí cấp giấy phép, giấy ĐK và Chứng chỉ	2,000	0,800	40,000	133,333
b	Phí thẩm định an toàn Bức xạ (Nộp 15%)	6,075	3,863	63,580	250,812
c	Phí thẩm định kế hoạch Ứng phó sự cố Bức xạ, hạt nhân (15%)		0,075	0,000	-
d	Phí thẩm định Hợp đồng chuyển giao công nghệ	5,000	0,000	0,000	
e	Phí thẩm định ĐK hoạt động về KHCN (Nộp 10%)	0,500	0,300	60,000	
II	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	22.212,54	2.520,804	11,349	129,172
1	Chi quản lý hành chính	3.820,54	817,215	21,390	86,230
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	3.053,00	634,589	20,786	70,038
a	Quỹ lương + HĐLĐ NĐ68	2.389,00	558,982	23,398	86,428
b	Chi hoạt động	664,00	75,607	11,387	23,711
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	254,000	68,648	27,027	50,209
1.3	Kinh phí Cải cách tiền lương	494,639	113,978	23,043	
1.4	Kinh phí tiền tết	18,900	-	0,000	0,000
2	Nghiên cứu khoa học	18.392,00	1.703,589	9,263	131,468
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	18.392,00	1.703,589	9,263	131,468
a	Thực hiện Nhiệm vụ khoa học công nghệ (Khoản 102)	12.500,00	1.703,589	13,629	53,958

TT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN - QUÝ IV	SO SÁNH (%)	
				DỰ TOÁN	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
b	10% trích tiết kiệm (Khoản 102)	285,00			
c	Thực hiện Nhiệm vụ khoa học công nghệ (Khoản 103)	5.500,00			
d	10% trích tiết kiệm (Khoản 103)	107,00			

KẾ TOÁN VP SỞ


LÊ THỊ KIỀU VÂN

Tây Ninh, ngày 11 tháng 01 năm 2024

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ




Dương Quốc Khánh